

Số: /KH-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Kế hoạch hành động số 19-KH/TU
ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-
NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển
khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia**

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 19-KH/TU ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Kế hoạch hành động),

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch hành động cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức triển khai đầy đủ, đồng bộ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch hành động số 19-KH/TU trên địa bàn Thành phố.

Cụ thể hóa trách nhiệm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu; bảo đảm triển khai thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, đo lường được kết quả.

2. Yêu cầu

Xác định rõ nhiệm vụ, sản phẩm đầu ra, thời hạn hoàn thành và trách nhiệm người đứng đầu.

Gắn việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW với cải cách hành chính, chuyển đổi số, Đề án 06 và phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

Tăng cường kiểm tra, giám sát; kịp thời điều chỉnh, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tạo đột phá trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; nâng cao năng lực cạnh tranh, chất lượng tăng trưởng và chất lượng sống của người dân Thành phố đóng góp tích cực vào mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

2. Mục tiêu cụ thể

Nhằm thực hiện hiệu quả, đạt được mục tiêu chung trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Thành ủy, xác định các mục tiêu cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện theo năm giai đoạn (đến hết năm 2025; đến hết năm 2030; đến hết năm 2035; đến hết năm 2040; đến hết năm 2045); tập trung thực hiện các mục tiêu về:

- (1) Phát triển hạ tầng.
- (2) Phát triển nguồn lực.
- (3) Phát triển khoa học và công nghệ.
- (4) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.
- (5) Phát triển chuyển đổi số.
- (6) Phát triển đô thị thông minh.

(Chi tiết tại Phụ lục Các mục tiêu cụ thể thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.1. Kiện toàn tổ chức bộ máy chỉ đạo, điều hành thực hiện Nghị quyết

Kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và Đề án 06 Thành phố (Ban Chỉ đạo); Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo; có cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp cho các cán bộ chuyên trách tham

muu triển khai Nghị quyết; bố trí cán bộ có trình độ, năng lực về khoa học, kỹ thuật vào cấp ủy các cấp đảm bảo tối thiểu tỉ lệ đề ra của Trung ương. Thành lập Tổ giúp việc và các Tiểu ban chuyên đề.

1.2. Hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp thực hiện:

- Ban hành kế hoạch, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, phân công rõ trách nhiệm, thời gian, nội dung, sản phẩm cho các sở, ngành, cấp cơ sở, ...
- Xây dựng Quy chế phối hợp liên ngành giữa các sở, ban, ngành, địa phương; bảo đảm phân công rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn, rõ kết quả.
- Thiết lập cơ chế giao ban định kỳ (quý, 6 tháng, năm) của Ban Chỉ đạo để đánh giá tiến độ, kịp thời tháo gỡ khó khăn, điều chỉnh nhiệm vụ cho phù hợp thực tiễn.

1.3. Lồng ghép nội dung Nghị quyết vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

- Thường xuyên rà soát, cập nhật và tích hợp các mục tiêu, nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố, các quy hoạch ngành, lĩnh vực, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm, công tác đảm bảo an ninh trật tự, ...
- Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa chiến lược phát triển khoa học - công nghệ với quy hoạch không gian đô thị, hạ tầng số, phát triển nguồn nhân lực và các ngành kinh tế mũi nhọn.

1.4. Thành lập Hội đồng tư vấn và cơ chế tham vấn chuyên gia

Thành lập Hội đồng tư vấn phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số Thành phố, gồm các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành, doanh nhân công nghệ, chuyên gia quốc tế và quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng.

1.5. Tăng cường cơ chế giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình:

- Xây dựng hệ thống chỉ tiêu, chỉ số đánh giá kết quả triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW theo từng cấp, từng ngành, từng giai đoạn.
- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất; công khai kết quả thực hiện trên Cổng thông tin điện tử của Thành phố. Gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

1.6. Bảo đảm điều kiện tổ chức thực hiện

- Bố trí đủ nguồn lực tài chính, nhân lực và cơ sở vật chất để triển khai các nhiệm vụ đã được phê duyệt.
- Xây dựng cơ chế khuyến khích, đãi ngộ phù hợp đối với cán bộ trực tiếp tham mưu, triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền về vai trò, ý nghĩa của Nghị quyết 57-NQ/TW nhằm tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội.

1.7. Tập trung xây dựng, tạo lập, cập nhật, làm sạch dữ liệu đảm bảo “Đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, liên thông, dùng chung”

- Xây dựng và triển khai có hiệu quả Chiến lược dữ liệu Thành phố giai đoạn 2026 - 2030, trọng tâm là việc thực hiện Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến dịch làm sạch, làm giàu dữ liệu chuyên ngành gắn với dữ liệu dân cư phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị, thông tin, truyền thông

2.1. Tiếp tục tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị, đến từng cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân:

- Tổ chức các đợt học tập, quán triệt chuyên đề về Nghị quyết số 57-NQ/TW cho cán bộ chủ chốt các cấp, cán bộ lãnh đạo, quản lý, đội ngũ chuyên trách khoa học, công nghệ - chuyển đổi số; bảo đảm 100% cán bộ chủ chốt được học tập, quán triệt đầy đủ.

- Thành lập Tổ công tác tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW cấp Thành phố, phối hợp với các cơ quan báo chí, nhằm thống nhất nội dung, thông điệp và hình thức tuyên truyền.

- Tổ chức các hội nghị chuyên đề, diễn đàn đối thoại, tọa đàm khoa học, hội thảo chuyên sâu để làm rõ nội dung cốt lõi của Nghị quyết, đặc biệt là các vấn đề mới như: kinh tế số, kinh tế tri thức, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, quản trị dữ liệu, kinh tế xanh.

- Mời chuyên gia đầu ngành, nhà khoa học, nhà quản lý giàu kinh nghiệm trong và ngoài nước tham gia trình bày, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn, góp phần nâng cao nhận thức và tạo sự đồng thuận xã hội.

2.2. Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, chi tiết, phân công trách nhiệm rõ ràng, xác định thời hạn hoàn thành, chỉ tiêu đánh giá và cơ chế giám sát

- Mỗi sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW giai đoạn 2025 - 2030, xác định rõ:

- + Mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể từng năm;
- + Danh mục nhiệm vụ, đề án, chương trình trọng tâm;
- + Cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp;
- + Nguồn lực thực hiện (ngân sách, xã hội hóa, nhân lực);
- + Chỉ số đánh giá kết quả (KPI) cụ thể;

+ Công tác thanh tra, kiểm tra.

- Lồng ghép các chỉ tiêu về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và Đề án 06 vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của từng ngành, từng địa phương.

- Thiết lập cơ chế giám sát, đánh giá định kỳ (quý, năm), báo cáo tiến độ thực hiện về Ban Chỉ đạo Thành phố; kịp thời điều chỉnh nhiệm vụ khi có thay đổi về bối cảnh hoặc yêu cầu mới.

2.3. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

- Tham mưu lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố trong chỉ đạo việc thực hiện cung cấp, kết nối thông tin dữ liệu phục vụ chấm điểm hàng tháng cho các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu và người đứng đầu về thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Theo dõi, tham mưu lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố điều chỉnh, cập nhật phương án chấm điểm để phù hợp với tình hình thực tế và theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

- Quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, đơn vị trong việc tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Lấy kết quả thực hiện các chỉ tiêu về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 làm tiêu chí quan trọng trong đánh giá, xếp loại cán bộ lãnh đạo, quản lý hằng năm.

- Thực hiện cơ chế kiểm điểm, đánh giá trách nhiệm người đứng đầu khi không hoàn thành chỉ tiêu; đồng thời khen thưởng kịp thời tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc.

(Theo các quy định tại Quyết định số 4585/QĐ-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về ban hành phương án tạm thời chấm điểm hàng tháng các bộ, ngành, địa phương, người đứng đầu bộ, ngành, địa phương về thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số).

2.4. Đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và Đề án 06 trên các phương tiện thông tin đại chúng

- Xây dựng kế hoạch truyền thông tổng thể về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và Đề án 06 với thông điệp thống nhất, dễ hiểu, dễ tiếp cận cho từng nhóm đối tượng (cán bộ, doanh nghiệp, người dân, học sinh – sinh viên).

- Đa dạng hóa hình thức truyền thông: chuyên trang, chuyên mục trên báo chí, truyền hình; mạng xã hội; nền tảng số; tọa đàm trực tuyến; infographics; video ngắn; podcast chuyên đề.

- Phát triển các sản phẩm truyền thông chuyên sâu như: Cẩm nang khoa học - công nghệ, bản tin đổi mới sáng tạo, bản đồ hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của Thành phố.

- Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, hiệp hội ngành nghề trong công tác tuyên truyền, vận động, lan tỏa phong trào đổi mới sáng tạo trong cộng đồng.

2.5. Xây dựng văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số

- Ban hành và triển khai Bộ quy tắc ứng xử trên môi trường số đối với cán bộ, công chức, viên chức; quy định rõ chuẩn mực hành vi, trách nhiệm khi sử dụng không gian mạng, dữ liệu số và nền tảng số.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, đạo đức công vụ trong môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức; lồng ghép nội dung đạo đức công vụ, an toàn thông tin trong các chương trình bồi dưỡng thường xuyên.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định về bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu, sử dụng mạng xã hội; kịp thời xử lý các hành vi vi phạm.

- Xây dựng môi trường làm việc số văn minh, minh bạch, hiệu quả; khuyến khích tinh thần đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ - biết làm - dám chịu trách nhiệm trong khuôn khổ pháp luật.

3. Hoàn thiện thể chế, chính sách tạo đột phá, đảm bảo nguồn lực

3.1. Thường xuyên rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp lý, cơ chế chính sách thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Tổ chức rà soát toàn diện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách hiện hành thuộc thẩm quyền của Thành phố.

- Chủ động đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị Trung ương điều chỉnh các quy định còn chồng chéo, bất cập, chưa theo kịp thực tiễn phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng cơ chế đặc thù cho Thành phố theo tinh thần Nghị quyết 98/2023/QH15, Nghị quyết số 260/2025/QH15.

- Ban hành các chính sách ưu đãi, hỗ trợ có trọng tâm cho tổ chức, cá nhân đầu tư vào nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo. Thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành nhằm tháo gỡ kịp thời các vướng mắc trong quá trình triển khai dự án khoa học - công nghệ, nhất là các dự án thí điểm, dự án đổi mới sáng tạo có yếu tố rủi ro cao.

- Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến; triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.

3.2. Xây dựng chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo giai đoạn 2025 - 2045

- Xây dựng Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và

chuyển đổi số của Thành phố đến năm 2045, đồng bộ với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch đô thị.

- Lập kế hoạch trung hạn, hằng năm với các mục tiêu, chỉ tiêu định lượng; phân công rõ cơ quan chủ trì, phối hợp; xác định nguồn lực và lộ trình triển khai.

- Đưa các mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành tiêu chí quan trọng trong đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.

3.3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù thúc đẩy đầu tư và đổi mới sáng tạo Thành phố

- Xây dựng và trình ban hành các cơ chế đặc thù về tài chính, đầu tư, nhân lực nhằm thúc đẩy hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu - phát triển, phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm ươm tạo công nghệ.

- Xây dựng khung pháp lý thử nghiệm (Sandbox) cho việc thương mại hóa dữ liệu và các mô hình kinh doanh mới dựa trên dữ liệu, cho phép chia sẻ giữa Nhà nước và tư nhân. Trong năm 2026, hình thành Sàn dữ liệu Thành phố.

- Áp dụng cơ chế tài chính linh hoạt cho hoạt động khoa học và công nghệ. Hình thành cơ chế hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, hỗ trợ đăng ký, khai thác tài sản trí tuệ, chuyển giao công nghệ.

- Triển khai các chính sách ưu đãi đặc thù nhằm thu hút chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư trình độ cao trong và ngoài nước tham gia các dự án trọng điểm của Thành phố.

3.4. Tạo cơ chế, điều kiện chuyển giao công nghệ:

- Thiết lập khung pháp lý cho phép thí điểm các mô hình, công nghệ mới (Sandbox) trong các lĩnh vực và ban hành quy trình đánh giá rủi ro, giám sát và xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình thử nghiệm.

- Hình thành các không gian thử nghiệm, trung tâm sáng tạo, phòng thí nghiệm mở nhằm tạo môi trường cho doanh nghiệp, viện - trường, cá nhân thử nghiệm ý tưởng mới.

3.5. Phát triển các quỹ hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Thành lập và vận hành hiệu quả các quỹ: Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, Quỹ đổi mới sáng tạo, Quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ theo mô hình doanh nghiệp, sử dụng vốn môi từ ngân sách để thu hút nguồn lực xã hội đầu tư cho Startup AI và Dữ liệu; Quỹ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.

- Xây dựng cơ chế quản lý minh bạch, linh hoạt, phù hợp thông lệ quốc tế; bảo đảm hài hòa giữa quản lý rủi ro và khuyến khích sáng tạo.

- Huy động nguồn lực xã hội, vốn tư nhân, vốn quốc tế; thúc đẩy mô hình hợp tác công - tư trong đầu tư nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa sản phẩm khoa học - công nghệ.

3.6. Cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường thuận lợi cho đổi mới sáng tạo

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư, đất đai, xây dựng, đăng ký doanh nghiệp, sở hữu trí tuệ, nghiên cứu khoa học; cắt giảm tối đa thời gian, chi phí cho doanh nghiệp và người dân.

- Ứng dụng công nghệ số trong tiếp nhận, xử lý hồ sơ; triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình, liên thông giữa các cơ quan. Thiết lập cơ chế “một cửa” cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ, startup đổi mới sáng tạo.

3.7. Tăng cường thu hút đầu tư, liên kết và hợp tác trong nước và quốc tế

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư; ưu tiên thu hút các dự án có hàm lượng khoa học - công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, thân thiện môi trường, có tác động lan tỏa.

- Thiết lập các chương trình hợp tác quốc tế về nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ; hỗ trợ doanh nghiệp địa phương tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

3.8. Bố trí và huy động nguồn lực tài chính

- Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cho các chương trình, dự án trọng điểm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Lồng ghép các chương trình, dự án khoa học - công nghệ với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Kết hợp linh hoạt các nguồn vốn: ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn ODA, vốn tư nhân, vốn đầu tư mạo hiểm.

3.9. Xây dựng chương trình đầu tư công trung hạn cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Xây dựng danh mục dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ưu tiên các dự án hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm trọng điểm.

- Chủ động bố trí vốn đối ứng, huy động các nguồn lực xã hội để triển khai các dự án lớn, có tính lan tỏa cao.

3.10. Thí điểm mô hình quỹ đầu tư mạo hiểm và cơ chế hợp tác công - tư

- Xây dựng mô hình quỹ đầu tư mạo hiểm có sử dụng vốn nhà nước. Ban hành cơ chế chia sẻ rủi ro, phân chia lợi ích giữa Nhà nước và nhà đầu tư; cho phép thoái vốn linh hoạt.

- Khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức tài chính, quỹ đầu tư trong và ngoài nước tham gia đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên như trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, công nghệ sinh học, y dược, năng lượng tái tạo, chuyển đổi số.

4. Xây dựng chiến lược phát triển hạ tầng số, ứng dụng dịch vụ số, chuyển đổi số trong quản trị công

4.1. Xây dựng và triển khai các chương trình chuyển đổi số theo lộ trình 5 năm, tầm nhìn đến năm 2045

- Xây dựng Chương trình tổng thể phát triển hạ tầng số Thành phố giai đoạn 2025 - 2030, định hướng đến năm 2045.

- Triển khai nền tảng Bản sao số (Digital Twin), tích hợp dữ liệu không gian, dữ liệu mặt đất, ngầm và trên không cùng mạng lưới cảm biến (IoT) thời gian thực để mô phỏng và quản trị toàn diện siêu đô thị.

- Triển khai thực hiện hiệu quả đề án xây dựng đô thị thông minh theo lộ trình và các yêu cầu đề ra.

- Lồng ghép chặt chẽ chiến lược phát triển hạ tầng số vào quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch đô thị, quy hoạch ngành; bảo đảm tính đồng bộ giữa quy hoạch không gian vật lý và không gian số.

- Xác định rõ lộ trình đầu tư theo từng giai đoạn:

- + Giai đoạn 2026 - 2030: hoàn thiện hạ tầng nền tảng, hạ tầng kết nối, dữ liệu lõi. Người dân Thành phố cài đặt và sử dụng Ứng dụng Công dân số Thành phố.

- + Giai đoạn 2030 - 2035: mở rộng ứng dụng, tích hợp dữ liệu, nâng cao năng lực phân tích - dự báo.

- + Giai đoạn 2035 - 2045: chuyển sang mô hình quản trị thông minh, dựa trên dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo.

4.2. Phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, an toàn và có khả năng mở rộng

- Ưu tiên đầu tư hạ tầng số cho các khu vực trọng điểm như: khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu công nghệ số tập trung, trung tâm đổi mới sáng tạo, khu đô thị thông minh.

- Mở rộng phủ sóng hạ tầng viễn thông băng rộng cố định và di động (4G, 5G và tiến tới 6G); tăng dung lượng mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Nhà nước.

- Đầu tư, nâng cấp trung tâm dữ liệu (Data Center) Thành phố đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế; từng bước hình thành trung tâm dữ liệu vùng, trung tâm tính toán hiệu năng cao (HPC) Thành phố.

- Khuyến khích xã hội hóa đầu tư hạ tầng số; xây dựng cơ chế hợp tác công - tư (PPP) trong phát triển trung tâm dữ liệu, nền tảng điện toán đám mây, nền tảng dùng chung.

4.3. Phát triển công dân số, dữ liệu số, nền tảng số và hệ sinh thái dữ liệu mở

- Xây dựng, cập nhật và vận hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố. Triển khai quy trình “Đóng gói dữ liệu” (Data Packaging), chuyển dịch từ quản lý tệp tin sang quản lý “Sản phẩm dữ liệu” (Data Products) có gắn nhãn, định giá và quy định bản quyền.

- Hình thành và vận hành Sàn dữ liệu Thành phố theo mô hình hợp tác công - tư (PPP). Triển khai chiến dịch làm sạch dữ liệu gắn với Đề án 06, đảm bảo dữ liệu “Đúng - Đủ - Sạch - Sống”.

- Tổ chức thu thập, chuẩn hóa, số hóa và làm giàu dữ liệu; xây dựng kho dữ liệu dùng chung, kho dữ liệu chuyên ngành; ban hành quy chuẩn dữ liệu, chuẩn kết nối, chuẩn chia sẻ.

- Triển khai các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP), kết nối với nền tảng tích hợp quốc gia; mở rộng cung cấp dữ liệu mở cho người dân, doanh nghiệp. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo, học máy, phân tích dữ liệu lớn trong khai thác dữ liệu phục vụ dự báo, hoạch định chính sách, điều hành kinh tế - xã hội.

- Tổng rà soát, chuẩn hóa dữ liệu và phổ cập toàn diện “04 trụ cột công dân số”: (1) Danh tính số (VNeID); (2) Phương tiện số (Smartphone/Tablet); (3) Tài khoản số (Dịch vụ công/Ngân hàng); (4) Kỹ năng số cơ bản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

4.4. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước

- Rà soát, tái cấu trúc toàn diện quy trình nghiệp vụ của các cơ quan nhà nước theo hướng “số hóa - tự động hóa - không giấy tờ”; chuyển đổi từ mô hình xử lý thủ công sang mô hình vận hành dựa trên dữ liệu.

- Chuẩn hóa và số hóa toàn bộ hồ sơ, tài liệu; triển khai hệ thống quản lý hồ sơ điện tử, văn phòng điện tử, chữ ký số, lưu trữ số; từng bước hình thành chính quyền không giấy tờ.

- Phát triển hệ thống thông tin điều hành, giám sát tập trung (IOC), tích hợp dữ liệu từ các lĩnh vực phục vụ chỉ đạo, điều hành theo thời gian thực.

- Triển khai hoàn thiện Nền tảng quản lý Chính quyền số Thành phố, Hệ thống quản trị điều hành khu phố, áp liên thông từ Thành phố đến cơ sở, phục vụ quản lý nhân khẩu và an ninh trật tự; Triển khai hệ thống Định danh địa điểm gắn với CSDL dân cư để quản lý định danh, ...

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn trong dự báo, cảnh báo sớm rủi ro, trong đó ưu tiên 04 trọng tâm: ứng dụng công nghệ số trong giảm ùn tắc giao thông, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, cảnh báo ngập lụt và đảm bảo an ninh trật tự.

4.5. Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp và phát triển kinh tế số

- Hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận các giải pháp số. Triển khai chương trình đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp.

- Phát triển các nền tảng kết nối doanh nghiệp - nhà cung cấp công nghệ; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị số, chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Nghiên cứu hình thành và vận hành Sàn dữ liệu Thành phố theo mô hình hợp tác công - tư, tạo thị trường mua bán dữ liệu minh bạch, hợp pháp.

- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu số cho sản phẩm chủ lực; thúc đẩy ứng dụng truy xuất nguồn gốc, blockchain, IoT trong sản xuất, logistics và thương mại.

4.6. Phát triển xã hội số, kinh tế số và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin

- Thúc đẩy phổ cập kỹ năng số cho người dân; phát động phong trào “Bình dân học vụ số” sâu rộng.

- Phát triển mạnh các mô hình dịch vụ số trong y tế, giáo dục, giao thông, tài chính, du lịch, nông nghiệp thông minh; nâng cao chất lượng đời sống người dân.

- Tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng; xây dựng hệ thống giám sát, phòng chống tấn công mạng; nâng cao năng lực ứng cứu sự cố an toàn thông tin.

- Thiết lập cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp công nghệ và cộng đồng trong việc bảo vệ dữ liệu, bảo đảm quyền riêng tư và an toàn thông tin.

4.7. Cơ chế tổ chức thực hiện và giám sát

- Phân công rõ trách nhiệm cho từng sở, ngành, địa phương; xây dựng hệ thống chỉ tiêu, chỉ số đánh giá kết quả chuyển đổi số hằng năm.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ; công khai kết quả thực hiện; kịp thời điều chỉnh chính sách, giải pháp phù hợp với thực tiễn.

- Huy động đa dạng nguồn lực (ngân sách nhà nước, xã hội hóa, hợp tác công - tư, viện trợ quốc tế) để bảo đảm triển khai hiệu quả, bền vững.

5. Xây dựng chiến lược tổng thể 10 năm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển

5.1. Chiến lược hình thành và phát triển trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển của Thành phố

- Quy hoạch và hình thành mạng lưới trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu - phát triển (R&D), vườn ươm khởi nghiệp, không gian làm việc chung tại các khu vực trọng điểm của Thành phố; ưu tiên gắn kết với các trường đại học, viện nghiên cứu, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu đô thị sáng tạo; Xây dựng các phòng thí nghiệm dùng chung (Joint Labs) và Trung tâm xuất sắc (CoE) chuyên sâu về Vi mạch bán dẫn và Trí tuệ nhân tạo (AI), kết nối trực tiếp với các khu công nghệ cao.

- Phát triển mô hình “Trung tâm đổi mới sáng tạo mở” theo hướng tích hợp: nghiên cứu - ươm tạo - thử nghiệm - thương mại hóa; tạo không gian thử nghiệm chính sách (sandbox) cho các mô hình, công nghệ mới trong các lĩnh vực ưu tiên.

- Khuyến khích các trường đại học, viện nghiên cứu thành lập các trung tâm nghiên cứu ứng dụng, phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thí nghiệm dùng chung; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị nghiên cứu hiện đại phục vụ đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

- Tăng cường liên kết “ba nhà” (nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp), thúc đẩy hợp tác công - tư trong xây dựng, vận hành các trung tâm R&D; thu hút doanh nghiệp lớn, tập đoàn công nghệ trong và ngoài nước tham gia đầu tư, đồng hành.

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ vận hành bền vững cho các trung tâm ươm tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo thông qua đặt hàng nghiên cứu, thuê dịch vụ nghiên cứu - phát triển, hỗ trợ chi phí vận hành trong giai đoạn đầu.

5.2. Chiến lược khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo

- Ban hành và triển khai các chính sách đặc thù nhằm thúc đẩy phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ xanh, kinh tế tuần hoàn.

- Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp tiếp cận không gian làm việc, hạ tầng dùng chung, dịch vụ pháp lý, kế toán, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng; hỗ trợ hoàn thiện mô hình kinh doanh, phát triển sản phẩm, thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

- Xây dựng và vận hành các chương trình tăng tốc khởi nghiệp (accelerator), chương trình ươm tạo chuyên sâu theo ngành/lĩnh vực; kết nối doanh nghiệp khởi nghiệp với doanh nghiệp dẫn dắt, tập đoàn lớn trong và ngoài nước.

- Tăng cường kết nối hệ sinh thái đầu tư khởi nghiệp. Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp tiếp cận các chương trình hỗ trợ của Nhà nước, chương trình quốc gia về đổi mới sáng tạo, chương trình hợp tác quốc tế; hỗ trợ mở rộng thị trường trong và ngoài nước.

5.3. Chiến lược nâng cao năng lực nghiên cứu

- Ưu tiên bố trí nguồn lực cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ giải quyết các vấn đề cấp bách của địa phương và quốc gia.

- Triển khai hiệu quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Danh mục công nghệ chiến lược ban hành tại Quyết định số 1131/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 12 tháng 6 năm 2025; tăng cường liên kết giữa nghiên cứu cơ bản - nghiên cứu ứng dụng - thương mại hóa sản phẩm.

- Hỗ trợ hình thành và phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu liên ngành; thúc đẩy công bố khoa học quốc tế, đăng ký sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

- Tăng cường hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học hàng đầu trong nước và quốc tế; khuyến khích thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu chung, chương trình trao đổi học giả, đồng hướng dẫn nghiên cứu sinh.

5.4. Chiến lược đẩy mạnh đổi mới sáng tạo trong khu vực công

- Xây dựng, lan tỏa văn hóa đổi mới sáng tạo và thí điểm các mô hình đổi mới sáng tạo trong khu vực công. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, dữ liệu mở, trí tuệ nhân tạo trong hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công; thúc đẩy phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng đổi mới sáng tạo, tư duy thiết kế (design thinking), quản trị đổi mới, phân tích dữ liệu cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Thiết lập cơ chế phối hợp giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp khởi nghiệp, viện - trường để đồng sáng tạo giải pháp, thử nghiệm mô hình mới, từng bước nhân rộng các mô hình hiệu quả.

6. Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tầm nhìn đến năm 2045

6.1. Phát triển nguồn nhân lực STEM/STEAM và phát hiện, bồi dưỡng nhân tài từ sớm

- Đầu tư hạ tầng số và thiết bị thông minh theo hướng tiếp cận tỷ lệ 01 thiết bị số/01 học sinh ở cấp trung học; hình thành các không gian sáng tạo (Maker Space) tại các trường học; triển khai nhân rộng mô hình Trường học số, phòng học số tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp giáo dục STEM/STEAM trong hệ thống giáo dục phổ thông; xây dựng lộ trình phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu khoa học - công nghệ từ bậc phổ thông. Xây dựng các chương trình học bổng, hỗ trợ tài chính, học bổng tài năng nhằm thu hút và giữ chân học sinh, sinh viên xuất sắc theo đuổi các ngành khoa học - công nghệ trọng điểm.

- Mở rộng và nâng cao chất lượng hệ thống trường chuyên, lớp chọn, trung tâm đào tạo năng khiếu khoa học - công nghệ; khuyến khích mô hình hợp tác giữa trường phổ thông với đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp.

- Tổ chức các cuộc thi, sân chơi khoa học, sáng tạo, khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên; hình thành cộng đồng học sinh - sinh viên nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo.

6.2. Đổi mới chương trình đào tạo và phương thức đào tạo gắn với nhu cầu thị trường lao động

- Rà soát, cập nhật chương trình đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp theo hướng linh hoạt, thực hành, gắn với nhu cầu của doanh nghiệp và xu hướng công nghệ mới. Thúc đẩy mô hình đào tạo kết hợp (blended learning), đào tạo trực tuyến, đào tạo theo dự án; phát triển hệ sinh thái học tập số, học tập suốt đời.

- Đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp trong xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, thực tập, thực hành và đánh giá đầu ra; thúc đẩy mô hình “đào tạo theo đặt hàng”.

- Khuyến khích nghiên cứu khoa học sinh viên, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong trường học; hình thành các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, vườn ươm công nghệ trong các cơ sở đào tạo.

6.3. Phát triển đội ngũ giảng viên, chuyên gia và nhà khoa học trình độ cao

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, giảng viên kiêm nhiệm, chuyên gia đầu ngành đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Có cơ chế thu hút, sử dụng và đãi ngộ đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước tham gia giảng dạy, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tại Thành phố.

- Thực hiện các chương trình mời chuyên gia quốc tế, chuyên gia Việt Nam ở nước ngoài tham gia đào tạo, nghiên cứu, cố vấn chính sách, chuyển giao công nghệ. Tạo điều kiện để giảng viên, nhà khoa học được tham gia các chương trình nghiên cứu lớn, dự án hợp tác quốc tế, nâng cao năng lực nghiên cứu và công bố khoa học.

6.4. Xây dựng và khai thác cơ sở dữ liệu nguồn nhân lực khoa học - công nghệ

- Xây dựng cơ sở dữ liệu số tập trung về nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Thành phố, bảo đảm kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Thực hiện cập nhật, chuẩn hóa thông tin về trình độ, chuyên môn, kỹ năng, lĩnh vực nghiên cứu của đội ngũ nhân lực để phục vụ công tác quy hoạch, đào tạo, sử dụng và thu hút nhân tài.

- Ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo trong phân tích nhu cầu nhân lực, dự báo xu hướng thị trường lao động và hỗ trợ hoạch định chính sách nhân lực dài hạn.

6.5. Chiến lược thu hút, trọng dụng và phát huy nhân tài

- Triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách thu hút, đãi ngộ nhân tài theo Nghị quyết số 98/2023/QH15; xây dựng các chính sách đặc thù về thu nhập, nhà ở, môi trường làm việc, điều kiện nghiên cứu cho chuyên gia, nhà khoa học; Thí điểm cơ chế chi trả lương, thưởng vượt trội (theo cơ chế đặc thù) cho vị trí chuyên gia dữ liệu, kiến trúc sư trưởng hệ thống.

- Thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng nghiên cứu trung và dài hạn cho các nhóm nghiên cứu mạnh, chuyên gia đầu ngành, gắn với kết quả đầu ra và hiệu quả thực tiễn.

- Tạo môi trường làm việc cởi mở, minh bạch, khuyến khích đổi mới sáng tạo, chấp nhận rủi ro có kiểm soát trong nghiên cứu khoa học.

- Xây dựng và phát triển mạng lưới chuyên gia, trí thức người Việt trong và ngoài nước; kết nối nguồn lực trí thức phục vụ phát triển kinh tế – xã hội của Thành phố.

- Thúc đẩy mô hình hợp tác “Nhà nước - Nhà trường/Nhà khoa học - Doanh nghiệp - Nhà đầu tư”.

6.6. Chiến lược đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ được giao tại Chương trình hành động số 49-CTrHĐ/TU của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, gắn với các chương trình, đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của Thành phố.

- Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ các ngành, lĩnh vực mũi nhọn, có tác động lan tỏa lớn.

- Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ sư, chuyên gia công nghệ thông tin và cán bộ quản lý khoa học; chú trọng nâng cao năng lực nghiên cứu, năng lực đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, tư duy hệ thống và khả năng thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

- Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo theo hướng gắn với thực tiễn, lấy nhu cầu thị trường lao động và doanh nghiệp làm trung tâm; tăng cường đào tạo theo mô hình “học đi đôi với hành”, “đào tạo gắn với dự án”, “đào tạo theo đơn đặt hàng” của doanh nghiệp và khu công nghệ cao.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích, tôn vinh, khen thưởng xứng đáng đối với các nhà khoa học, chuyên gia, nhóm nghiên cứu, sinh viên có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu, đổi mới sáng tạo. Phát triển hệ sinh thái học tập số, đào tạo trực tuyến và học tập suốt đời; đẩy mạnh xây dựng các nền tảng giáo dục số, học liệu số mở, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đào tạo và đánh giá năng lực người học.

6.7. Chiến lược bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức

- Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo từng nhóm đối tượng và vị trí việc làm; tập trung vào các kỹ năng cốt lõi như: quản trị dữ liệu, phân tích dữ liệu, sử dụng nền tảng số, an toàn - an ninh mạng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công việc quản lý, điều hành.

- Lồng ghép nội dung chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, quản lý nhà nước; từng bước hình thành đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có tư duy số, khả năng ra quyết định dựa trên dữ liệu.

- Đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ, các tập đoàn lớn trong và ngoài nước để tổ chức các khóa đào tạo thực hành, chương trình trao đổi chuyên gia, thực tập chuyên sâu, cập nhật xu hướng công nghệ mới.

6.8. Chiến lược đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề của địa phương, gắn với nhu cầu thực tế của thị trường

- Rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng linh hoạt, mở, cập nhật nhanh với sự phát triển của khoa học - công nghệ và nhu cầu thị trường lao động; ưu tiên các lĩnh vực có hàm lượng tri thức cao và giá trị gia tăng lớn.

- Tăng cường đào tạo kỹ năng số, kỹ năng mềm, tư duy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên; thúc đẩy mô hình đào tạo gắn với doanh

nghiệp, thực hành - thực tập tại doanh nghiệp, khu công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, gắn với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp; chú trọng đào tạo lao động kỹ thuật cao, kỹ thuật viên lành nghề, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế. Đẩy mạnh hợp tác đưa lao động kỹ thuật chất lượng cao đi làm việc tại các thị trường có thu nhập cao, an toàn; đồng thời xây dựng cơ chế tiếp nhận, khai thác hiệu quả nguồn nhân lực sau khi trở về nước.

6.9. Chiến lược tăng cường hợp tác trong đào tạo nhân lực

- Mở rộng hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học - công nghệ hàng đầu trong nước và quốc tế.

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia sâu vào quá trình đào tạo thông qua việc đồng thiết kế chương trình, tham gia giảng dạy, tiếp nhận sinh viên thực tập và đặt hàng nghiên cứu - đào tạo theo nhu cầu thực tiễn.

6.10. Chiến lược xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành

- Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu số thống nhất về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố.

- Kết nối, liên thông cơ sở dữ liệu này với các cơ sở dữ liệu quốc gia, ngành, lĩnh vực; hình thành hệ sinh thái dữ liệu mở, bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật và quyền riêng tư.

- Ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo trong phân tích nhu cầu nhân lực, dự báo xu hướng phát triển ngành nghề, hỗ trợ ra quyết định trong quản lý và điều hành.

6.11. Chiến lược thu hút nhân tài, chuyên gia

Triển khai hiệu quả các chính sách thu hút, đãi ngộ, trọng dụng nhân tài theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội; xây dựng cơ chế đặc thù nhằm thu hút chuyên gia đầu ngành, nhà khoa học xuất sắc, “tổng công trình sư” trong các lĩnh vực then chốt như trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, công nghệ sinh học, chuyển đổi số.

- Thực hiện các chính sách linh hoạt về tiền lương, thu nhập, điều kiện làm việc, nhà ở, môi trường nghiên cứu; tạo điều kiện thuận lợi để chuyên gia, nhà khoa học yên tâm cống hiến lâu dài cho Thành phố.

- Xây dựng cơ chế giao nhiệm vụ khoa học - công nghệ trung hạn, dài hạn; cho phép thí điểm cơ chế đặt hàng, khoán sản phẩm, khoán chi theo kết quả đầu ra đối với các nhiệm vụ trọng điểm.

- Tăng cường mời gọi chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân uy tín trong và ngoài nước tham gia giảng dạy, tư vấn, phản biện chính sách, chuyển giao tri thức và kinh nghiệm quản lý; kết nối đội ngũ trí thức kiều bào, chuyên gia Việt Nam ở nước ngoài tham gia tư vấn, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thành phố.

7. Xây dựng chiến lược chuyển đổi số, kinh tế số cấp Thành phố

7.1. Chiến lược 5 năm thực hiện Chương trình chuyển đổi số của Thành phố và Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng

- Xây dựng và ban hành Chiến lược/Kế hoạch/Chương trình chuyển đổi số 5 năm của Thành phố, làm cơ sở thống nhất cho việc triển khai đồng bộ các nhiệm vụ chuyển đổi số trong toàn hệ thống chính trị.

- Phát triển, hoàn thiện các nền tảng số dùng chung, cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố; kết nối, liên thông dữ liệu giữa các sở, ban, ngành, địa phương theo nguyên tắc “một lần nhập - nhiều lần sử dụng”, hạn chế trùng lặp, phân tán.

- Thực hiện tái cấu trúc toàn diện quy trình nghiệp vụ trên nền tảng số; chuyển đổi từ phương thức quản lý thủ công sang quản lý dựa trên dữ liệu, tự động hóa và số hóa toàn diện quy trình giải quyết công việc.

- Tận dụng, khai thác hiệu quả các nền tảng số, hệ thống thông tin đã được Trung ương đầu tư; bảo đảm đồng bộ, liên thông, tránh đầu tư trùng lặp, lãng phí.

- Tăng cường kết nối, chia sẻ hạ tầng số giữa Trung ương và địa phương; từng bước hình thành hệ sinh thái dữ liệu mở, phục vụ điều hành, phân tích, dự báo và hoạch định chính sách.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), phân tích dữ liệu lớn (Big Data) trong công tác tổng hợp, báo cáo, dự báo xu hướng, hỗ trợ ra quyết định của lãnh đạo các cấp.

- Khuyến khích xã hội hóa, thúc đẩy hợp tác công - tư, hợp tác công - công trong đầu tư, khai thác, vận hành hạ tầng số và cung cấp dịch vụ số.

7.2. Chiến lược 5 năm triển khai các nền tảng số

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của Thành phố, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo hướng “một cửa số”, tích hợp xác thực điện tử, chữ ký số, thanh toán số; bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Từng bước xây dựng Trung tâm điều hành thông minh (IOC) cấp Thành phố và kết nối tới cấp phường, xã theo điều kiện thực tế; khai thác dữ liệu thời gian thực phục vụ chỉ đạo, điều hành.

- Triển khai các nền tảng số chuyên ngành trong các lĩnh vực trọng điểm; triển khai hệ thống Định danh không gian địa điểm gắn với CSDL dân cư, tạo mã định danh duy nhất cho từng thực thể đô thị...

- Phát triển hệ sinh thái thanh toán số, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội; nâng cao mức độ phổ cập dịch vụ tài chính số cho người dân và doanh nghiệp.

- Thực hiện số hóa toàn diện hồ sơ, tài liệu; triển khai xử lý công việc, giải quyết thủ tục hành chính, điều hành tác nghiệp hoàn toàn trên môi trường số; cung cấp các ứng dụng số thân thiện phục vụ người dân và doanh nghiệp.

7.3. Xây dựng chiến lược 5 năm, các chương trình, đề án cụ thể

- Hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận và ứng dụng các giải pháp số trong quản trị, sản xuất, kinh doanh, marketing, kế toán, logistics và thanh toán điện tử.

- Phát triển các nền tảng kết nối doanh nghiệp - nhà cung cấp giải pháp công nghệ; khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi giá trị số, chuỗi cung ứng toàn cầu; hỗ trợ doanh nghiệp đưa sản phẩm, dịch vụ lên các nền tảng thương mại điện tử trong và ngoài nước.

- Xây dựng và quảng bá thương hiệu số cho các sản phẩm chủ lực của Thành phố; ứng dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc, blockchain, IoT trong nông nghiệp, công nghiệp chế biến, logistics.

- Phát triển các công cụ phân tích dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo phục vụ dự báo thị trường, phân tích hành vi tiêu dùng, hỗ trợ doanh nghiệp ra quyết định sản xuất - kinh doanh hiệu quả.

- Khuyến khích doanh nghiệp công nghệ trong nước đầu tư nghiên cứu, phát triển sản phẩm, mở rộng thị trường ra nước ngoài; thu hút các doanh nghiệp công nghệ quốc tế đặt Trung tâm R&D, Trung tâm đổi mới sáng tạo tại Thành phố.

- Thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp công nghệ số triển khai các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số, dữ liệu số và kinh tế số của Thành phố. Tạo môi trường thuận lợi để phát huy vai trò của khu vực tư nhân, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đầu tàu trong đầu tư R&D, đổi mới sáng tạo và dẫn dắt hệ sinh thái số.

8. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

8.1. Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Tổ chức quán triệt, triển khai đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân đến toàn bộ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm thống nhất trong nhận thức và thực hiện.

- Rà soát, hoàn thiện các quy chế nội bộ về quản lý, khai thác, lưu trữ, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu; xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu, đơn vị chuyên môn và cán bộ phụ trách công nghệ thông tin.

- Thực hiện phân loại, gắn nhãn dữ liệu theo mức độ quan trọng, mức độ mật; áp dụng các biện pháp bảo vệ phù hợp đối với từng nhóm dữ liệu, đặc biệt là dữ liệu cá nhân, dữ liệu nhạy cảm và dữ liệu dùng chung.

- Đảm bảo việc thu thập, xử lý, chia sẻ dữ liệu cá nhân tuân thủ nguyên tắc đúng mục đích, tối thiểu, minh bạch và có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu theo quy định pháp luật.

8.2. Tăng cường an ninh mạng

- Xây dựng Trung tâm An ninh mạng Thành phố có chức năng giám sát, phân tích, cảnh báo sớm và điều phối xử lý sự cố an toàn thông tin trên toàn hệ thống.

- Thành lập và duy trì đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin (CSIRT) tại các sở, ngành, đơn vị trọng điểm; xây dựng cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin sự cố giữa các đơn vị và với mạng lưới ứng cứu quốc gia.

- Ban hành quy trình, kịch bản ứng phó sự cố an ninh mạng theo các cấp độ; định kỳ tổ chức diễn tập thực chiến về phòng, chống tấn công mạng, rò rỉ dữ liệu, mã độc tổng tiền.

- Tăng cường đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật bảo mật: Trung tâm an ninh mạng Thành phố, hệ thống phát hiện - ngăn chặn xâm nhập (IDS/IPS), bảo vệ điểm cuối, sao lưu và khôi phục dữ liệu.

8.3. Cụ thể hóa các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng:

- Thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các đơn vị chuyên trách của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban Cơ yếu Chính phủ trong công tác giám sát, cảnh báo, điều tra và xử lý sự cố an ninh mạng.

- Xây dựng quy trình chia sẻ thông tin, cảnh báo sớm và phối hợp ứng cứu sự cố theo mô hình liên thông, bảo đảm phản ứng nhanh, thống nhất và hiệu quả.

- Định kỳ tổ chức kiểm tra, đánh giá mức độ tuân thủ quy định về an toàn thông tin, an ninh mạng tại các cơ quan, đơn vị; kịp thời chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế.

- Khuyến khích doanh nghiệp trong nước nghiên cứu, phát triển và cung cấp các sản phẩm, giải pháp an toàn thông tin “Make in Vietnam”, từng bước thay thế các sản phẩm nhập khẩu, bảo đảm tính chủ động, tự chủ công nghệ.

- Ưu tiên lựa chọn, triển khai các giải pháp, nền tảng an toàn thông tin đã được kiểm định, chứng nhận theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về an toàn thông tin, an ninh mạng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và cộng đồng doanh nghiệp; xây dựng văn hóa an toàn thông tin trong toàn hệ thống.

9. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, quốc tế

9.1. Hợp tác với địa phương lân cận, vùng kinh tế, doanh nghiệp, nhà khoa học

a) Thiết lập và mở rộng cơ chế phối hợp liên tỉnh, liên vùng

- Chủ động xây dựng và triển khai cơ chế phối hợp thường xuyên với các tỉnh, thành phố trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và các địa phương có

tiềm lực khoa học - công nghệ. Tổ chức các chương trình làm việc song phương, đa phương giữa các địa phương để thống nhất kế hoạch hợp tác trung hạn và dài hạn.

- Thiết lập đầu mối phối hợp giữa các sở, ngành tương ứng để trao đổi dữ liệu, thông tin chuyên ngành.

b) Phối hợp triển khai các dự án liên vùng, liên ngành

- Phối hợp xây dựng và triển khai các dự án chung về: (1) Phát triển hạ tầng số dùng chung (nền tảng dữ liệu dùng chung, trung tâm dữ liệu, nền tảng chia sẻ và tích hợp dữ liệu); (2) Phát triển logistics thông minh, chuỗi cung ứng số và hệ sinh thái logistics vùng; (3) Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong quản lý đô thị, giao thông, y tế, giáo dục và môi trường.

- Thúc đẩy hình thành các chuỗi giá trị liên kết vùng, trong đó mỗi địa phương tham gia theo thế mạnh riêng, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế và năng lực cạnh tranh chung.

c) Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm và nhân rộng mô hình hiệu quả

- Tổ chức các đoàn công tác, hội thảo chuyên đề để học tập kinh nghiệm từ các địa phương có mô hình tiêu biểu trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tổng kết, đánh giá, lựa chọn các mô hình hiệu quả (quản lý đô thị thông minh, trung tâm đổi mới sáng tạo, mô hình hợp tác công - tư, mô hình chuyển đổi số ngành/lĩnh vực) để nghiên cứu nhân rộng phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Xây dựng cơ chế chia sẻ kinh nghiệm, tài liệu, dữ liệu và kết quả triển khai giữa các địa phương thông qua nền tảng số dùng chung.

d) Tăng cường tổ chức các sự kiện, diễn đàn cấp vùng và liên vùng

Định kỳ tổ chức các hội nghị, diễn đàn khoa học – công nghệ và chuyển đổi số cấp vùng.

đ) Thúc đẩy hợp tác Nhà nước - doanh nghiệp - viện, trường - cộng đồng khởi nghiệp

- Tạo cơ chế để các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp cùng tham gia thiết kế, triển khai các chương trình khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia đặt hàng nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới; đồng thời hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu từ viện, trường.

e) Tăng cường hợp tác quốc tế thông qua các chương trình, dự án cụ thể

- Chủ động kết nối với các tổ chức quốc tế, cơ quan phát triển, hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài để triển khai các dự án hợp tác về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Thúc đẩy các chương trình hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao từ các đối tác quốc tế. Từng bước xây dựng các dự án hợp tác dài hạn, bền vững, gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

9.2. Hội nhập quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài

a) Kết nối với các tổ chức, quỹ và doanh nghiệp công nghệ quốc tế

- Thiết lập cơ chế hợp tác thường xuyên với các tổ chức quốc tế, quỹ đầu tư mạo hiểm, tập đoàn công nghệ lớn trong các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo (AI), bán dẫn - vi mạch, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, năng lượng sạch và công nghệ số.

- Tổ chức các chương trình làm việc song phương, diễn đàn kết nối đầu tư - công nghệ, phiên đối thoại chính sách với các đối tác quốc tế nhằm giới thiệu tiềm năng, nhu cầu và định hướng phát triển khoa học - công nghệ của Thành phố.

- Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư, chuyển giao công nghệ cao để giới thiệu đến các đối tác nước ngoài.

b) Đầu tư kêu gọi, chuyển giao công nghệ cao để giới thiệu, thúc đẩy các chương trình nghiên cứu chung giữa các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp trong nước với các tổ chức khoa học - công nghệ quốc tế.

- Ưu tiên hợp tác nghiên cứu trong các lĩnh vực mũi nhọn: trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, vi mạch - bán dẫn, công nghệ sinh học y - dược, công nghệ môi trường, vật liệu mới, tự động hóa và robot.

- Khuyến khích hình thành các phòng thí nghiệm liên kết, trung tâm nghiên cứu đồng tài trợ (joint labs), trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế (Center of Excellence).

c) Tăng cường hợp tác quốc tế về đào tạo

- Mở rộng hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trên thế giới trong đào tạo sau đại học, đào tạo chuyên gia, nhà khoa học trẻ, cán bộ quản lý khoa học - công nghệ.

- Triển khai các chương trình trao đổi học giả, thực tập sinh, chuyên gia; chương trình đồng hướng dẫn nghiên cứu sinh, sau tiến sĩ.

- Kết nối doanh nghiệp - trường đại học - viện nghiên cứu (liên kết “03 nhà”) để đào tạo theo nhu cầu thực tiễn, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ cao và chuyển đổi số.

d) Thúc đẩy chuyển giao kết quả nghiên cứu trong thực tiễn, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ cao và tổ chức thường niên các hội nghị, diễn đàn, triển lãm quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Thành phố.

- Chủ động đăng cai các sự kiện khoa học lớn của khu vực và quốc tế; tăng cường vai trò của Thành phố như một trung tâm kết nối tri thức và đổi mới sáng tạo của khu vực.

- Xây dựng mạng lưới kết nối giữa doanh nghiệp khởi nghiệp, nhà khoa học, nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

đ) Thu hút mạng lưới kết nối giữa doanh nghiệp khởi nghiệp, nhà đầu tư

- Hình thành các khu, không gian đổi mới sáng tạo tập trung; thúc đẩy liên kết giữa khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu đô thị sáng tạo và hệ sinh thái khởi nghiệp.

- Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tiếp cận nguồn vốn, chuyên gia, thị trường quốc tế.

e) Tăng cường hợp tác với tổ chức phi chính phủ và các định chế phát triển

- Ký kết và triển khai các thỏa thuận hợp tác với các tổ chức phi chính phủ, tổ chức phát triển quốc tế trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển bền vững.

- Huy động nguồn lực tài chính, tri thức và kinh nghiệm quản lý từ các tổ chức quốc tế để triển khai các chương trình, dự án thí điểm tại địa phương.

- Thúc đẩy các mô hình hợp tác công - tư (PPP) trong nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ.

10. Giám sát, đánh giá và tuyên truyền

- Tăng cường kiểm tra, giám sát của cấp ủy, hệ thống chính trị các cấp trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch hành động, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Kịp thời có các điều chỉnh về cơ chế, chính sách, văn bản quy định khi phát hiện ra các dấu hiệu có thể không đạt được các mục tiêu, yêu cầu đã đặt ra. Ban hành quy chế, xây dựng cơ chế giám sát, thành lập đoàn kiểm tra định kỳ, báo cáo kết quả theo tháng, quý, 6 tháng, 1 năm. Thực hiện sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời mục tiêu, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Minh bạch quy trình phê duyệt, quản lý, sử dụng kinh phí; tạo cơ chế tự chủ hơn cho tổ chức phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tuyên truyền về kết quả kiểm tra, giám sát của cấp ủy, hệ thống chính trị các cấp về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trên địa bàn Thành phố.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu

a) Chủ động phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này.

b) Ưu tiên bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch.

c) Tập trung chỉ đạo thực hiện nội dung nhiệm vụ, giải pháp cụ thể; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch, định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ) kết quả thực hiện Kế hoạch và những kiến nghị, đề xuất định kỳ ngày, tuần, tháng, 03 tháng, 06 tháng, 01 năm, báo cáo Ban Chỉ đạo và Thường trực Thành ủy về kết quả triển khai, kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả. Chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết các chương trình, đề án theo từng giai đoạn; khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu; đề xuất điều chỉnh Kế hoạch hành động nếu thấy cần thiết.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Là Cơ quan Thường trực điều phối chung phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố.

- Xây dựng và chủ trì tổ chức triển khai Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2025 - 2030, Chiến lược Chuyển đổi số Thành phố Hồ Chí Minh –đến năm 2030, Chương trình nghiên cứu khoa học - phát triển công nghệ và nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2026 - 2030 và các giai đoạn tiếp theo, xác định các nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện và huy động các nguồn lực để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số của Thành phố.

- Xây dựng và chủ trì tổ chức triển khai, quản lý, giám sát tuân thủ Kiến trúc số Thành phố, Kiến trúc dữ liệu Thành phố, Kiến trúc đô thị thông minh phù hợp với Mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả và quản trị dựa trên dữ liệu trong hệ thống chính trị, phù hợp với Khung Kiến trúc tổng thể quốc gia số. Tổ chức xếp hạng, đánh giá việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trên địa bàn Thành phố (dựa trên Bộ chỉ số xếp hạng các cơ sở dữ liệu do Trung ương ban hành). Chủ trì tham mưu triển khai bản sao số (Digital Twin) tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chủ trì tổ chức triển khai, quản lý, giám sát các kế hoạch thí điểm, đánh giá, nhân rộng lựa chọn các sản phẩm, hệ thống ứng dụng khoa học, công nghệ mới, tiên tiến phục vụ chuyển đổi số và phát triển đô thị thông minh Thành phố.

- Triển khai hiệu quả các nền tảng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo để bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về chuyển đổi số, phát triển kỹ năng số, an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn Thành phố.

- Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch và tổng hợp báo cáo theo quy định; đồng thời, rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét điều chỉnh, bổ sung (nếu có).

- Kịp thời đề xuất khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Thành phố.

3. Công an Thành phố

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan triển khai hiệu quả Đề án 06.
- Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu xây dựng trung tâm an ninh mạng Thành phố
- Tổ chức bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Chủ trì tham mưu xây dựng chiến lược dữ liệu và các Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ có liên quan đến xây dựng, tạo lập dữ liệu gắn với dữ liệu quốc gia về dân cư.
- Chủ trì phối hợp với đơn vị đồng hành theo phân công của Trung ương và lãnh đạo Thành phố để triển khai thực hiện chuyển đổi số Thành phố.

4. Sở Tài chính

- Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan, tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, bố trí nguồn kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan để thực hiện Kế hoạch này.
- Chủ trì, phối hợp các sở ngành liên quan tham mưu bố trí kế hoạch vốn dự án sử dụng vốn đầu tư công theo thứ tự ưu tiên, trong khả năng cân đối nguồn vốn của Thành phố (nếu có).

5. Sở Văn hóa và Thể thao

- Chủ trì tổ chức triển khai kế hoạch tuyên truyền về Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn Thành phố thông qua các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao và truyền thông đại chúng.
- Phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy, Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan báo chí, truyền thông tổ chức tuyên truyền sâu rộng về vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân.
- Lồng ghép nội dung khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các hoạt động văn hóa, thể thao
- + Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc lồng ghép nội dung tuyên truyền về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong các chương trình văn hóa, nghệ thuật, lễ hội, sự kiện thể thao, triển lãm, hội thi, hội diễn.
- + Khuyến khích sáng tác, dàn dựng và phổ biến các tác phẩm văn học - nghệ thuật, sản phẩm truyền thông phản ánh tinh thần đổi mới sáng tạo, khát vọng phát triển, xây dựng đô thị thông minh và xã hội số.
- Tăng cường truyền thông đại chúng và truyền thông cơ sở
- + Phối hợp với các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở, đài truyền thanh - truyền hình, cổng thông tin điện tử để xây dựng chuyên trang, chuyên

mục, phóng sự, chuyên đề tuyên truyền về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- + Hướng dẫn, chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở, trung tâm văn hóa - thể thao phường, xã, đặc khu tăng cường truyền thông trực quan...

- Phối hợp xây dựng và lan tỏa các chiến dịch truyền thông cộng đồng

- + Phối hợp với các sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội xây dựng các chiến dịch truyền thông trọng điểm như: “Toàn dân tham gia chuyển đổi số”, “Công dân số - Xã hội số”, “Đổi mới sáng tạo vì phát triển bền vững”, ...

- + Phối hợp tổ chức hoặc lồng ghép nội dung tuyên truyền về tinh thần đổi mới sáng tạo trong các sự kiện văn hóa - truyền thông quy mô cấp Thành phố, khuyến khích sự tham gia của người dân, doanh nghiệp và giới trẻ.

6. Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố

- Chủ trì quản lý, vận hành và đảm bảo an toàn cho Kho dữ liệu dùng chung và Hệ thống tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của Thành phố. Chịu trách nhiệm kỹ thuật chính trong việc kết nối, đồng bộ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia (C12) và các Bộ, ngành, Sở, ngành Thành phố.

- Phối hợp triển khai và mở rộng các mô hình Bản sao số (Digital Twin) được giao phụ trách; Vận hành và phát triển App Công dân số và Nền tảng Quản lý Chính quyền số Thành phố (kết nối đến tận khu phố, ấp).

- Chủ trì xây dựng và tổ chức triển khai Đề án Xây dựng Sàn giao dịch dữ liệu Thành phố. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và Công an Thành phố triển khai các nhiệm vụ về phát triển dữ liệu số.

- Đề xuất việc ứng dụng công nghệ số trong việc thực hiện giải quyết 04 trọng tâm: ứng dụng công nghệ số trong kéo giảm ùn tắc giao thông, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, cảnh báo ngập lụt và đảm bảo an ninh trật tự.

- Chủ trì triển khai nền tảng học tập trực tuyến cho phong trào “Bình dân học vụ số” nhằm nâng cao năng lực số cho người dân.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố

- Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp và nhân dân hưởng ứng các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch hành động.

- Phát động phong trào thi đua sáng tạo, khởi nghiệp; tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong quá trình thực hiện (phản ánh những khó khăn, bất cập lên Ban Chỉ đạo Trung ương).

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn Thanh niên, các hội, hiệp hội... phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ số tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng số cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh... và các đối tượng có liên quan.

8. Đài Phát thanh và Truyền hình Thành phố, Cổng thông tin điện tử Thành phố và các cơ quan báo chí trên địa bàn Thành phố

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về vai trò, ý nghĩa và nội dung của Kế hoạch. Phối hợp với các sở, ban, ngành Thành phố, địa phương xây dựng tài liệu, tin bài, bài nghiên cứu, chuyên mục, video clip, Infographic, hộp báo, chiến dịch truyền thông, quảng bá trên các kênh phương tiện đại chúng; lồng ghép với các chương trình truyền thông trên địa bàn Thành phố, kịp thời đưa tin, bài về các ý tưởng, sáng kiến, cách làm đột phá, sáng tạo trong hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, thông tin, phổ biến các mô hình thành công của các tổ chức, cá nhân.

9. Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, tổ chức cá nhân có liên quan trên địa bàn Thành phố

Phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị, địa phương trong hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố. Tham gia các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, ý thức của xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ thông tin cá nhân, dữ liệu cá nhân trên môi trường mạng.

10. Cơ chế thông tin, báo cáo, sơ kết, tổng kết

- Thông tin, báo cáo định kỳ: Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu, các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể định kỳ hàng tuần, hàng tháng, 03 tháng, 06 tháng, 01 năm báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch gửi về Ban Chỉ đạo; Ban Chỉ đạo tổng hợp, báo cáo Thường trực Thành ủy, đồng thời gửi báo cáo về Ban Chỉ đạo Trung ương và cập nhật vào hệ thống giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng dẫn của Trung ương.

- Kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết: Hằng năm, Ban Chỉ đạo tổ chức kiểm tra liên ngành tại một số sở, ngành, đơn vị trọng điểm; phối hợp với các Ban xây dựng Đảng, Ủy ban nhân dân Thành phố sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm; có thể điều chỉnh một số mục tiêu, nhiệm vụ nếu cần. Giữa và cuối nhiệm kỳ hoặc theo chu kỳ 2,5 năm, tổ chức sơ kết, tổng kết theo giai đoạn trên phạm vi toàn Thành phố; biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu, đồng thời đề xuất phương hướng cho giai đoạn tiếp theo.

V. HIỆU LỰC THI HÀNH

1. Kế hoạch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Kế hoạch số 4354/KH-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2025 về triển khai Kế hoạch hành động số 459-KHHĐ/TU ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn

Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Những nhiệm vụ nào đã triển khai theo Kế hoạch 4354/KH-UBND thì tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Kế hoạch này, các sở, ban, ngành Thành phố, địa phương chủ động đề xuất, gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng ĐDBQH&HĐND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- UBND phường, xã, đặc khu;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Các Phòng NCTH;
- Lưu: VT, VX-P.Loan.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Cường